TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/DS-ST

Ngày 18-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông Trịnh Minh T; sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trịnh Minh T: Bà Huỳnh Tố Trinh là Trợ giúp viên của TT tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt)

-*Bị đơn:* Ông Vương Thành TT; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:*

1.Bà Vương Thị N; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2.Ông Vương Văn C; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

3.Anh Vương Thế H; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

4.Chị Vương Thị S; Địa chỉ cư trú: Sóc Trăng. (vắng mặt)

5.Chị Vương Kim H; Địa chỉ cư trú: Thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2023, biên bản hòa giải ngày 26/4/2023 cũng như tại phiên tòa ông Trịnh Minh T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trịnh Minh T cùng thống nhất trình bày:*

Ông T và vợ là Vương Thị N có tham gia hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Thị L (bà L đã mất, bà L là mẹ ruột ông TT), do bà L làm chủ. Chưng hụi mở ngày 10/4/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, gồm 23 chưng, vợ chồng ông T tham gia 01 chưng. Ông T đóng được 02 kỳ thì bà L mất, ông TT đứng ra lãnh dây hụi nên dây hụi được tiếp tục duy trì. Ông T đóng tiếp cho ông TT 19 lần. Đến ngày 10/01/2022 âm lịch ông T kêu hụi 200.000 đồng và hốt với được số tiền 20.300.000 đồng nhưng đến nay ông TT chỉ giao ông T nhận được 7.000.000 đồng, còn lại 13.300.00 đồng ông TT chưa thanh toán.

Do tiền ông TT nợ là tiền của ông T lãnh từ tiền lương hàng tháng để góp hụi nên nay ông T yêu cầu ông TT có trách nhiệm trả cho ông T số tiền hụi còn nợ là 13.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trịnh Minh T khởi kiện yêu cầu ông Vương Thành TT thanh toán tiền hụi nên đây là tranh chấp vụ án dân sự về việc hợp đồng góp hụi; ông TT có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới

Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông TT, ông C, anh H, bà N nhưng ông TT, ông C, anh H, bà N vắng mặt tại lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông TT, ông C, anh H và bà N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà N yêu cầu ông TT có nghĩa vụ thanh toán số tiền hụi còn nợ là 13.300.000 đồng cho ông T. Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2023 ông TT thừa nhận có viết biên nhận và có nợ ông T số tiền hụi còn lại là 13.300.000 đồng nên có cơ sở cho rằng hợp đồng góp hụi có xảy ra và số tiền ông TT nợ ông T là 13.300.000 đồng vì đã được các bên thừa nhận.

[4] Tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2023 ông TT cho rằng dây hụi mở ngày 10/4/2020 là của bà Nguyễn Thị L là có cơ sở vì quá trình giải quyết vụ án ông T, bà N thừa nhận. Tuy nhiên, ông TT cho rằng khi bà L mất thì dây hụi này do cha ông TT là ông C quản lý và tiếp tục thu tiền là không có cơ sở. Bởi vì, quá trình giải quyết vụ án ông T, bà N xác định ông TT là người thu tiền hụi sau khi bà L mất và khi hụi mãn ông TT là người giao cho vợ chồng ông T số tiền 7.000.000 đồng được ông TT thừa nhận khi hòa giải là ông TT có đi gom hụi và có trả tiền hụi cho ông T. Đồng thời ông TT thừa nhận biên nhận với nội dung "còn thiếu tiền hụi ông chú 15.300.000 đ..." do ông TT tự viết và ký tên Vương Thành TT. Ông TT cho rằng hụi nợ là của cha ông TT tên Vương Văn C nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập hợp lệ ông C nhưng ông không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt tại vụ án không có lý do.

Từ những căn cứ nêu trên buộc ông TT có nghĩa vụ thanh toán tiền hụi theo yêu cầu của ông T, bà N là 13.300.000 đồng là có cơ sở.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Đối với việc ông TT cho rằng hụi là của bà L và L quan đến ông C, anh H, chị S, chị H. Xét thấy, ông C là chồng của bà L; anh H, chị S, chị H và anh TT là con của bà L và ông C. Tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2023 ông TT thống nhất trong thời hạn 15 ngày sẽ cung cấp địa chỉ của chị Soàn và chị H nhưng ông TT

không thực hiện và cũng không có văn bản ý kiến. Tòa án có triệu tập hợp lệ ông C, anh H tham gia tố tụng tại vụ án nhưng ông C, anh H không có văn bản ý kiến và vắng tại vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trách nhiệm L đới đối với khoản tiền hụi sau khi bà L mất. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp giữa ông TT với ông C, anh H, chị S, chị H ông TT có quyền khởi kiện tại vụ án khác theo quy định.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông TT phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Vương Thành TT có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Minh T số tiền hụi còn nợ là 13.300.000 đ (Mười ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trịnh Minh T (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Vương Thành TT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dan sự sơ thẩm: Ông Vương Thành TT phải nộp 665.000 đ *(Sáu trăm sáu mười lăm nghìn đồng).*

Ông Trịnh Minh T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang